BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 204/2009/TT-BTC

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2009

THÔNG TƯ
quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ Trạm thu phí Tân Đệ, tỉnh Thái Bình

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện Công văn số 1058/VPCP-KTN ngày 20/02/2009 của Văn phòng Chính phủ về việc bàn giao Trạm thu phí Tân Đệ dự án nâng cấp quốc lộ 10 đoạn cầu La Uyên - cầu Tân Đệ.

Căn cứ ý kiến của Bộ Giao thông vận tải tại Công văn số 6415/BGTVT-TC ngày 16/9/2009;

Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ Trạm thu phí Tân Đệ, tỉnh Thái Bình (dự án BOT nâng cấp quốc lộ 10 đoạn cầu La Uyên - cầu Tân Đệ), tỉnh Thái Bình, như sau:

Điều 1. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng thu phí sử dụng đường bộ Trạm thu phí Tân Đệ, tỉnh Thái Bình thực hiện theo quy định tại mục III, phần I của Thông tư số 90/2004/TT-BTC ngày 07/9/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ (sau đây gọi là Thông tư số 90/2004/TT-BTC).

Điều 2. Biểu mức thu

Ban hành kèm theo Thông tư này Biểu mức thu phí sử dụng đường bộ trạm thu phí Tân Đệ tỉnh Thái Bình (các mức thu đã bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Điều 3. Chứng từ thu phí

Chứng từ thu phí đường bộ sử dụng tại Trạm thực hiện đối với đường bộ đầu tư để kinh doanh theo quy định tại mục I phần III Thông tư số 90/2004/TT-BTC.

Điều 4. Quản lý sử dụng tiền phí thu được

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Phí sử dụng đường bộ trạm thu phí Tân Đệ, tỉnh Thái Bình được thu, nộp, quản lý và sử dụng theo quy định đối với đường bộ đầu tư để kinh doanh hướng dẫn tại mục IV, phần II của Thông tư số 90/2004/TT-BTC.

Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí sử dụng đường bộ không đề cập tại Thông tư này được thực hiện theo Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí, Thông tư 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí và Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký. Thời gian bắt đầu thu phí kể từ ngày Trạm thu phí Tân Đệ được bàn giao cho Công ty cổ phần TASCO quản lý theo Quyết định số 929/QĐ-BGTVT ngày 13/4/2009 của Bộ Giao thông vận tải.

Đơn vị được Bộ Giao thông vận tải giao nhiệm vụ tổ chức thu phí sử dụng đường bộ trạm thu Tân Đệ, tỉnh Thái Bình có trách nhiệm: tổ chức các điểm bán vé tại trạm thu phí thuận tiện cho người điều khiển phương tiện giao thông và tránh ùn tắc giao thông; bán kịp thời, đầy đủ các loại vé theo yêu cầu của người mua, không hạn chế đối tượng, số lượng vé bán ra và thời gian bán vé qua trạm; thực hiện đăng ký, kê khai, thu, nộp, sử dụng chứng từ thu phí theo đúng quy định tại phần III Thông tư số 90/2004/TT-BTC.

Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng nộp phí, đơn vị được Bộ Giao thông vận tải giao nhiệm vụ tổ chức thu phí sử dụng đường bộ trạm thu phí Tân Đệ, tỉnh Thái Bình và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09610739

BIỂU MỨC THU PHÍ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ TRẠM THU PHÍ TÂN ĐỆ, TỈNH THÁI BÌNH

(ban hành kèm theo Thông tư số 204/2009/TT-BTC ngày 26/10/2009 của Bộ Tài chính)

I. MỨC THU ÁP DỤNG TỪ NGÀY CHUYỂN GIAO TRẠM THU PHÍ ĐẾN THỜI ĐIỂM DỰ ÁN BOT ĐOẠN CẦU LA UYÊN - CẦU TÂN ĐỆ HOÀN THÀNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

TT	Phương tiện chịu phí đường bộ	Mệnh giá		
		Vé lượt (đ/vé/lượt)	Vé tháng (đ/vé/tháng)	Vé quý (đ/vé/quý)
1	Xe dưới 12 ghế ngồi, xe tải có tải trọng dưới 2 tấn và các loại buýt vận tải khách công cộng	10.000	300.000	800.000
2	Xe từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi; Xe tải có tải trọng từ 2 tấn đến dưới 4 tấn	15.000	450.000	1.200.000
3	Xe từ 31 ghế ngồi trở lên; Xe tải có tải trọng từ 4 tấn đến dưới 10 tấn	22.000	660.000	1.800.000
4	Xe tải có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn và xe chở hàng bằng Container 20 fit	40.000	1.200.000	3.200.000
5	Xe tải có tải trọng từ 18 tấn trở lên và xe chở hàng bằng Container 40 fit	80.000	2.400.000	6.500.000

II. MỨC THU ÁP DỤNG CHO 48 THÁNG TIẾP THEO CỦA DỰ ÁN, TỪ THỜI ĐIỂM DỰ ÁN BOT ĐOẠN CẦU LA UYÊN - CẦU TÂN ĐỆ HOÀN THÀNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

TT	Phương tiện chịu phí đường bộ	Mệnh giá		
		Vé lượt (đ/vé/lượt)	Vé tháng (đ/vé/tháng)	Vé quý (đ/vé/quý)
1	Xe dưới 12 ghế ngồi, xe tải có tải trọng dưới 2 tấn và các loại buýt vận tải khách công cộng	15.000	450.000	1.200.000
2	Xe từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi; Xe tải có tải trọng từ 2 tấn đến dưới 4 tấn	23.000	690.000	1.800.000

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 0961010739

TT	Phương tiện chịu phí đường bộ	Mệnh giá		
		Vé lượt (đ/vé/lượt)	Vé tháng (đ/vé/tháng)	Vé quý (đ/vé/quý)
3	Xe từ 31 ghế ngồi trở lên; Xe tải có tải trọng từ 4 tấn đến dưới 10 tấn	33.000	990.000	2.700.000
4	Xe tải có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn và xe chở hàng bằng Container 20 fit	60.000	1.800.000	4.800.000
5	Xe tải có tải trọng từ 18 tấn trở lên và xe chở hàng bằng Container 40 fit	120.000	3.600.000	9.700.000

III. MỨC THU ÁP DỤNG CHO THỜI GIAN CÒN LẠI SAU 48 THÁNG KỂ TỪ THỜI ĐIỂM DỰ ÁN BOT ĐOẠN CẦU LA UYÊN - CẦU TÂN ĐỆ HOÀN THÀNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG ĐẾN KHI KẾT THÚC THỜI GIAN THU HOÀN VỐN THEO HỢP ĐỒNG

TT	Phương tiện chịu phí đường bộ	Mệnh giá		
		Vé lượt (đ/vé/lượt)	Vé tháng (đ/vé/tháng)	Vé quý (đ/vé/quý)
1	Xe dưới 12 ghế ngồi, xe tải có tải trọng dưới 2 tấn và các loại buýt vận tải khách công cộng	20.000	600.000	1.600.000
2	Xe từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi; Xe tải có tải trọng từ 2 tấn đến dưới 4 tấn	30.000	900.000	2.400.000
3	Xe từ 31 ghế ngồi trở lên; Xe tải có tải trọng từ 4 tấn đến dưới 10 tấn	44.000	1.300.000	3.600.000
4	Xe tải có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn và xe chở hàng bằng Container 20 fit	80.000	2.400.000	6.400.000
5	Xe tải có tải trọng từ 18 tấn trở lên và xe chở hàng bằng Container 40 fit	160.000	4.800.000	13.000.000

Ghi chú:

- Tải trọng của từng loại phương tiện áp dụng mệnh giá trên là tải trọng theo thiết kế ban đầu.

- Đối với việc áp dụng mức thu phí đối với xe chở hàng bằng Container (bao gồm cả đầu kéo moóc chuyên dùng): Áp dụng mức thu theo tải trọng thiết kế của xe, không phân biệt có chở hàng hay không chở hàng, kể cả trường hợp chở hàng bằng Container có tải trọng ít hơn tải trọng thiết kế vẫn áp dụng mức thu theo tải trọng thiết kế./.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 0961073